

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT

Ngày: 06/3/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2023 và ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2022/DS-ST ngày 30 tháng 08 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 486/2022/QĐ-PT 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Từ Thị H1, sinh năm 1958 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Minh Th, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, ấp HT, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Văn bản ủy quyền ngày 21/02/2023.

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Từ Thị H1, Nguyễn Hùng D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà H trình bày: Bà có tham gia chơi hội do bà H1, ông D làm chủ thảo như sau:

- Dây hội thứ 01: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H1 là 24D): Hội có lãi giá 3.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, có 18 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 1.500.000 đồng. Dây hội này bà góp được 14 lần hội sống, thì bà H1, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H1, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 40.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 02: (ký hiệu trong danh sách chơi hội của bà H1 là 22D): Hội có lãi giá 1.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 500.000 đồng, dây hội này bà góp được 14 lần hội sống, thì bà H1, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H1, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 13.500.000 đồng.

- Dây hội thứ 03: Hội có lãi giá 200.000 đồng, khai ngày 30/10/2020, có 27 phần, bà tham gia 01 phần, tiền hoa hồng cho chủ thảo mỗi lần hội viên hốt hội là 100.000 đồng, dây hội này bà góp được 16 lần hội sống, thì bà H1, ông D tuyên bố ngưng hội với lý do, ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, các hội viên hốt hội không đóng tiền hội, bà không có tiền choàng hội cho các hội viên không đóng hội. Theo thỏa thuận, sau khi trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo dây hội này bà H1, ông D còn nợ lại số tiền góp hội và tiền lãi là 3.100.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hội bà H1, ông D còn nợ bà số tiền 57.100.000 đồng. Đến nay bà H1 đã trả được 18.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H1, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền 39.100.000 đồng, trả tiền 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Từ Thị H1 trình bày: Thừa nhận lời trình bày của bà H là đúng sự thật. Bà H có tham gia góp hội do bà và chồng là ông D làm chủ thảo.

Đến nay bà H đã góp tiền của dây hui ký hiệu 24D là 28.000.000 đồng, của dây hui ký hiệu 22D là 7.280.000 đồng và của dây hui 200.000 đồng là 2.185.000 đồng. Tổng cộng là 37.465.000 đồng. Đến nay bà H1 đã trả được 18.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 19.465.000 đồng.

Bà thừa nhận để tạo lòng tin cho các hui viên khi rủ họ tham gia chơi các dây hui do bà làm chủ thảo, bà có thỏa thuận: “hui có lãi (góp hui sống được tiền hui chết), bà cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hui viên chưa hốt hui (hui sống) và choàng tiền hui cho các hui viên chậm góp hui (hui chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hui để giao tiền cho hui viên hốt hui và nhận tiền hoa hồng của dây hui theo thỏa thuận” nhưng đến nay không thực hiện được cam kết này là do một phần ảnh hưởng do dịch bệnh Covid 19, quá nhiều các hui viên đã hốt hui không góp lại tiền hui chết theo thỏa thuận nên bà không còn khả năng choàng hui, dẫn đến phải ngưng hui nên vợ chồng bà xin trả lại số tiền bà H đã góp hui là 19.465.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày: Thừa nhận vợ chồng ông, bà còn nợ bà H số tiền góp hui là 19.465.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 164/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Buộc bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 39.100.000 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 13/9/2022, bị đơn Từ Thị H1, Nguyễn Hùng D có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D kháng cáo toàn bộ bản án số 164/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy. Bà H1 và ông D chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền vốn là 19.465.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D: Số tiền lãi hui theo quy định cũng tương đương với số tiền lãi hui của các dây hui bà H tham gia. Bà H1 và ông D xin trả tiền vốn nhưng không được phía bà H chấp nhận nên không có căn để chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng góp hui” là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bà H1 và ông D nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hùng D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông D theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Trần Thị H là hui viên, bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D là chủ hui. Bà H có tham gia ba dây hui của bà H1 và ông D như sau: Dây hui thứ nhất khai ngày 12/5/2018, hui 3.000.000 đồng, 3 tháng khai một lần, 22 phần, bà H đóng hui cho bà H1 và ông D được 14 lần, tiền gốc đóng hui là 28.000.000 đồng, còn tiền hui là 40.500.000 đồng; Dây hui thứ hai khai ngày 12/5/2018, hui 1.000.000 đồng, 3 tháng khai một lần, 18 phần, bà H đóng hui cho bà H1 và ông D được 14 lần, tiền gốc đóng được 7.280.000 đồng, còn tiền hui là 13.500.000 đồng; Dây hui thứ ba khai ngày 30/10/2000, hui 200.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, 27 phần, bà H đóng hui cho bà H1 và ông D được 16 lần, tiền vốn là 2.185.000 đồng, tiền hui là 3.100.000 đồng.

Tổng cộng ba lần hui nêu trên, bà H đóng tiền vốn cho bà H1 và ông D là 37.465.000 đồng, còn tiền hui là 57.100.000 đồng. Sau khi ngưng hui bà H1 và ông D có trả được cho bà H lần 01 vào ngày 30/3/2022 được 5.000.000 đồng, lần 02 vào ngày 12/4/2022 được 13.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng.

Sau đó bà H1 và ông D không trả số tiền hui còn lại cho bà H là vi phạm nghĩa vụ của chủ hui.

Nhận thấy, nếu tính lãi theo khoản 1 Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biêu, phường thì tiền lãi hui của ba phần bà H tham gia cũng tương đương với lãi hui mà bà H yêu cầu bà H1 và ông D trả nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Hồng, ông D trả cho bà H số tiền vốn và tiền lãi hui là 39.100.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Bà H1, ông D kháng cáo yêu cầu chỉ trả số tiền vốn cho bà H nhưng không được phía bà H chấp nhận nên không được căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1, ông D.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bà H1 và ông D thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà H ngay khi án có hiệu lực pháp luật ngay khi án có hiệu lực pháp luật là không đúng. Việc thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án được điều chỉnh bởi quy định của Luật thi hành án dân sự. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm sẽ không ghi phần này trong quyết định của bản án phúc thẩm.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm bà H1 và ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Từ Thị H1 và Nguyễn Hùng D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 164/2022/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 226, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về

họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

- Buộc bà Từ Thị H1 và ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 39.100.000 đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1, ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà H1 và ông D.

Hoàn lại cho bà H 1.030.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016526 ngày 01/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Doan